

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2019/QĐST – HNGĐ

Bình Sơn, ngày 21 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật HN&GD năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 181/2019/TLST – HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Phạm Duy L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Q.

+ Chị Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 28/7/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với cha mẹ anh L, trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng có lời qua tiếng lại nhiều lần, trong lúc vợ chồng cãi vã anh L có tát tai chị H. Sự việc xảy ra giữa anh L và chị H được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được, hai bên xác định đã sống ly thân và không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Nay anh L và chị H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để giải thoát cho đôi bên. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Duy B, sinh ngày 19/01/2017, hiện nay đang ở với anh L và Phạm Hà G, sinh ngày 01/11/2018, hiện nay đang ở với chị H. Anh L và chị H thỏa thuận giao cháu B cho anh L tiếp tục nuôi, giao cháu G cho chị H tiếp tục nuôi, anh L và chị H không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu B và cháu G đều còn nhỏ nhưng để đảm bảo điều kiện nuôi con, cháu B đã sống ổn định với anh L trong thời gian vợ chồng sống ly thân, vì vậy sự thỏa thuận nuôi con của anh, chị là phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận thỏa thuận nuôi con của anh, chị.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị H thống nhất có hai con chung là Phạm Duy B, sinh ngày 19/01/2017 và Phạm Hà G, sinh ngày 01/11/2018

Anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận giao cháu Phạm Duy B, sinh ngày 19/01/2017 cho anh L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Hà G, sinh ngày 01/11/2018 cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh L và chị H không yêu cầu.

Anh Phạm Duy L và chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Phạm Duy L, chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh L, chị H đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002750, ngày 01/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q nên được khấu trừ xong.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND, THA huyện B;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Viết Tiến